

LD VIETSOVPETRO  
TRƯỞNG BAN ĐDTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 29/11/2025**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P11+TD1+P5	7:25	5+14+0	0+0+0		0+16+6	0+0+0	
2		RC8+SAVR+CLO	9:25	4+2+14	0+0+0		0+0+16	0+0+0	

TTBDSX



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: P11 - TD1 - P5	CREW: VIỆT - NPHÚ - HUY	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM25/4773	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRẦN VĂN TUYỆT	P11	89-90	2	19			77	DVL	Vietnamese
2	VŨ TRƯỜNG GIANG	P11	82	1	14			68	DVL	Vietnamese
3	ĐOÀN PHÚC HOÀNG	P11	83-84	2	19			77	DVL	Vietnamese
4	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	P11	87-88	2	19	1	10	83	DVL	Vietnamese
5	TẠ HỮU THĂNG	P11	85-86	2	9			71	DVL	Vietnamese
6	HÀ MINH TUẤN*	TD1	89	1	3			68	KHOAN	Vietnamese
7	VŨ VĂN KIẾN*	TD1	83	1	6			75	KHOAN	Vietnamese
8	VŨ TU NAM	TD1	84	1	5			74	KHOAN	Vietnamese
9	PHẠM ĐÔI	TD1	77	1	5			72	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN VIỆT CHUÔNG	TD1	79	1	6			64	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN TUẤN ĐẠT	TD1	80	1	3			78	KHOAN	Vietnamese
12	BUI VĂN THOẠI	TD1	87-88	2	9			72	YTE	Vietnamese
13	LÊ VĂN BÌNH	TD1	79	1	5			58	KHOAN	Vietnamese
14	PHẠM ĐĂNG NINH	TD1	85-86	2	17	6	110	57	KHOAN	Vietnamese
15	PHẠM MINH HIỆU	TD1	75	1	4			54	KHOAN	Vietnamese
16	ĐOÀN VĂN KHÁNH	TD1	81-82	2	11			77	KHOAN	Vietnamese
17	DOROSHENKO MAXIM	TD1	78	1	10			98	KHOAN	Russian
18	VŨ HOÀNG QUÂN	TD1	76	1	4			54	PSV	Vietnamese
19	LÊ VĂN GIÁP	TD1	90	1	5			65	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P11	5	376	9	80	1	10	0		
2	TD1	14	966	17	93	6	110	16		
3	P5	0	0	0	0	0	0	6		
<b>TOTAL</b>		<b>19</b>	<b>1.342</b>	<b>26</b>	<b>173</b>	<b>7</b>	<b>120</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.342</b>		<b>173</b>		<b>120</b>			

GRAND TOAL: 1.635 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐINH THỊ HOA

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

ĐÀO NGỌC PHÚ



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO: RC8 - RP3 - CLO	CREW: VIỆT - NHÚ - HUY	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM25/4774	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	YUKHIMCHUK A.G	RC8	49	1	11			81	KH-THAC	Russian
2	NGUYỄN XUÂN ĐÔNG	RC8	46	1	14			68	KH-THAC	Vietnamese
3	VU ANH TUAN	RC8	48	1	13			70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN LÊ ĐĂNG QUANG	RC8	47	1	12			93	KH-THAC	Vietnamese
5	VUÔNG NGỌC HOAN	CLO	08	1	7	3	45	72	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐĂNG MẠNH	CLO	19	1	4			50	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN HOANG TRƯỜNG	CLO	14	1	8			73	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN LỤC	CLO	11	1	4			58	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN CHI NGHIỆP	CLO	09	1	4			82	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN SĨ LONG	CLO	13	1	5			77	KHOAN	Vietnamese
11	TU QUỐC VIỆT	CLO	05	1	10			61	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN VĨNH	CLO	07	1	9			69	KHOAN	Vietnamese
13	LÂM XUÂN TỬ	CLO	10	1	4			80	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ VĂN TUAN	CLO	03	1	3			66	KHOAN	Vietnamese
15	NGO TRI HOANG	CLO	02	1	14			66	DVL	Vietnamese
16	HOANG HỮU THU	CLO	12	1	6			75	PSV	Vietnamese
17	LẠI ĐÌNH HAI	CLO	04	1	9			81	PSV	Vietnamese
18	TRẦN ĐỨC THUẬN	CLO	06	1	6			76	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RC8	4	312	4	50	0	0	0		
2	RP3	0	0	0	0	0	0	2		
3	CLO	14	986	14	93	3	45	16		
<b>TOTAL</b>		<b>18</b>	<b>1.298</b>	<b>18</b>	<b>143</b>	<b>3</b>	<b>45</b>	<b>18</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.298</b>		<b>143</b>		<b>45</b>			

GRAND TOAL: 1.486 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

ĐÀO NGỌC PHÚ

LD VIETSOVPETRO  
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 30/11/2025**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		SAVR+MRM+TD5	7:25	4+15	0+0		0+22	0+0	
2		P11+TD3+P9	7:25	4+15+3	0+0+0		0+14+8	0+0+0	
3		TD2+BK10	9:25	21+1	0+0		12+10	0+0	

TTBBSX



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: P11 - TD3 - P9	CREW: DUONG - N.CUONG - MQUAN	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM25/4775	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	VU TRUNG KIEN	P11	81	1	15			77	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN GIA CUONG	P11	94	1	13			70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN AN NINH	P11	95	1	13			78	KH-THAC	Vietnamese
4	VO HONG QUAN	P11	92-93	2	16			84	KH-THAC	Vietnamese
5	KOSHELEV PAVEL	TD3	53	1	7			88	KHOAN	Russian
6	NGUYEN LAM VINH NGUYEN*	TD3	58	1	5			73	KHOAN	Vietnamese
7	VU TIEN LUC	TD3	47	1	3			66	KHOAN	Vietnamese
8	HOANG NGOC NGHIA	TD3	52	1	5			65	KHOAN	Vietnamese
9	KHONG QUOC HUNG	TD3	50	1	6			60	KHOAN	Vietnamese
10	TRAN XUAN KY	TD3	60	1	4			90	KHOAN	Vietnamese
11	TRAN VAN HAI 81	TD3	46	1	4			58	KHOAN	Vietnamese
12	VUONG HUU QUOC THAI*	TD3	56	1	6			78	KHOAN	Vietnamese
13	PHAN TRUC TUYEN	TD3	54	1	3			63	KHOAN	Vietnamese
14	VO NGUYEN KHANG	TD3	49	1	8			82	KHOAN	Vietnamese
15	DANG HUY LONG	TD3	51	1	5			64	KHOAN	Vietnamese
16	LE NGOC BINH	TD3	47	1	11			79	KHOAN	Vietnamese
17	VU NGOC THANH	TD3	57	1	6			65	KHOAN	Vietnamese
18	PHUNG VAN XUYEN	TD3	59	1	4			68	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN NAM CUONG*	TD3	55	1	8			77	KHOAN	Vietnamese
20	PHAM VAN TRI	P9	41	1	9			70	KHOAN	Vietnamese
21	PHAM VAN SANG	P9	56-57	2	15			68	DVL	Vietnamese
22	HOANG THAI LONG	P9	55	1	9			55	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P11	4	309	5	57	0	0	0		
2	TD3	15	1.076	15	85	0	0	14		
3	P9	3	193	4	33	0	0	8		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.578</b>	<b>24</b>	<b>175</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.578</b>		<b>175</b>		<b>0</b>			

GRAND TOAL: 1.753 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐINH THỊ HOA

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG  
PHAN NHƯ CƯƠNG



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO:SAVR - MRM - TD5	CREW: QVIỆT - HTRUNG - VŨ	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM25/4779	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	ĐOÀN MẠNH CƯỜNG	SAVR	01	1	10	8	148	70	SEAMAP	Vietnamese
2	ĐỖ VĂN DŨNG	SAVR	02	1	6			69	SEAMAP	Vietnamese
3	NGO VĂN SƠN	MRM	38	1	10			85	KHOAN	Vietnamese
4	LÊ HUYNH TRUNG	MRM	40	1	9			77	KHOAN	Vietnamese
5	ĐÌNH QUANG CHIẾN	MRM	71	1	16			71	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN DUY ĐỨC	MRM	39	1	12			84	KHOAN	Vietnamese
7	PHẠM VĂN DUY	TD5	67	1	8	1	5	68	KHOAN	Vietnamese
8	PHAN HOANG LAM	TD5	60	1	8			73	KHOAN	Vietnamese
9	CAO ĐỨC HAI	TD5	61	1	6			83	KHOAN	Vietnamese
10	NGÔ QUỐC BẢO	TD5	64	1	5			66	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN VĂN ĐÌNH	TD5	63	1	4			61	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN SY LỆ	TD5	72-73	2	14			53	KHOAN	Vietnamese
13	HOANG VĂN MAO	TD5	69	1	8			69	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN QUÂN	TD5	65	1	6			55	KHOAN	Vietnamese
15	LÊ XUÂN QUÝ	TD5	74-75	2	13			74	YTE	Vietnamese
16	NGUYỄN THÀNH CÔNG	TD5						85	KHOAN	Vietnamese
17	TRẦN VĂN DIỆU	TD5	68	1	6			66	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN VIỆT DŨNG	TD5	70	1	4			75	KHOAN	Vietnamese
19	BUI TÂN BÌNH	TD5	62	1	6			72	KHOAN	Vietnamese
20	LUƠNG MINH PHỤNG	TD5	71	1	8			59	KHOAN	Vietnamese
21	LÊ VĂN LỢI	TD5	66	1	5			59	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	SAVR	2	139	2	16	8	148	0		
2	MRM	4	317	4	47	0	0	0		
3	TD5	15	1.018	16	101	1	5	22		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>1.474</b>	<b>22</b>	<b>164</b>	<b>9</b>	<b>153</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.474</b>		<b>164</b>		<b>153</b>			

GRAND TOAL: 1.791 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
B.CARD: XANH - 2	TO: TD2 - BK10	CREW: DUONG - N.CUONG - MQUAN	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 03		VNHS FLIGHT: TM25/4776	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	PHẠM VĂN HÙNG	TD2	63	1	5			79	KHOAN	Russian
2	TRẦN VĂN HÙNG	TD2	73	1	4			75	KHOAN	Vietnamese
3	PHAN TUẤN ANH	TD2	62	1	5			88	KHOAN	Vietnamese
4	PHẠM LÊ NAM	TD2	71	1	5			67	KHOAN	Vietnamese
5	PHẠM THỊ CHUYỀN	TD2	68	1	3			65	KHOAN	Vietnamese
6	DUƠNG HAI BĂNG	TD2	70,74	2	11			83	KHOAN	Vietnamese
7	LÊ MINH ĐỨC	TD2	67	1	4			90	KHOAN	Vietnamese
8	HỒ VĂN HÙNG	TD2	78	1	6			75	KHOAN	Vietnamese
9	HỒ CHÍ CÔNG	TD2	66	1	6			79	KHOAN	Vietnamese
10	MAI ĐỨC THÂN	TD2	60-61	2	14			67	KHOAN	Vietnamese
11	BUI VĂN LỢI	TD2	72	1	13			76	KHOAN	Vietnamese
12	CAO ĐẶC DÂN	TD2	81-82	2	20			73	CODIEN	Vietnamese
13	PHẠM VĂN DŨNG	TD2	69	1	13			54	CODIEN	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐÌNH KHA	TD2	83	1	10			66	CODIEN	Vietnamese
15	PHẠM VĂN MẠNH	TD2	80	1	8			80	CODIEN	Vietnamese
16	PHẠM THỊ VIỆT	TD2	75-76	2	19			69	CODIEN	Vietnamese
17	NGUYỄN PHẠM DUY KHANG	TD2	84-85	2	14	3	84	81	CODIEN	Vietnamese
18	QUÁCH SỸ TY	TD2	79	1	12			69	CODIEN	Vietnamese
19	ĐẶNG NGỌC SƠN	TD2	77	1	13			63	CODIEN	Vietnamese
20	LÊ THANH HIỆU	TD2	64-65	2	14			74	CODIEN	Vietnamese
21	VŨ NGỌC TIỀN	TD2	59	1	7			75	DVL	Vietnamese
22	NGUYỄN THANH SƠN	BK10	90	1	4			70	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD2	21	1.548	27	206	3	84	12		
2	BK10	1	70	1	4	0	0	10		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.618</b>	<b>28</b>	<b>210</b>	<b>3</b>	<b>84</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.618</b>		<b>210</b>		<b>84</b>			

GRAND TOAL: 1.912 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYEN THI KIEU THU

CREW

BUI HOANG DUONG  
PHAN NHU CUONG